

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS-ST

Ngày: 28 – 11 - 2019

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Míp Niê.
2. Ông Nguyễn Văn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2019/TLST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Duy H – Giám đốc Phòng giao dịch K, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V(Có mặt)

Địa chỉ: 105 Nguyễn Tất T, TT. K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm Duy H trình bày:

Ngày 20/9/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K (Sau đây gọi tắt là ngân hàng) có cho anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay vốn số 01/2016/8004527/HĐTD ngày 20/9/2016, mục đích vay tiêu dùng gia đình, mua nội thất, làm sân rào cổng. Thời hạn vay 11

tháng (từ ngày 20/9/2016 đến ngày 20/8/2017). Lãi suất vay 11%/năm.

Số nợ đã trả:

Ngày 20/12/2016 trả nợ lãi 5.438.889 đồng

Ngày 20/3/2017 trả nợ lãi 5.500.000 đồng

Ngày 08/01/2018 trả nợ gốc 10.200.000 đồng.

Dư nợ tính đến ngày 28/11/2019 là 271.981.703đ (Hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc 189.800.000đ, nợ lãi là 82.181.702đ (Lãi trong hạn là 57.924.838đ, lãi quá hạn là 24.256.864đ).

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho số tiền vay tại hợp đồng vay nêu trên là Quyền sử dụng đất diện tích 5150m², tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 4, giấy CNQSD đất số BN600915 do UBND huyện K cấp ngày 06/11/2014 mang tên anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P.

Anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P đã vi phạm hợp đồng tín dụng số 01/2016/8004527/HĐTD ngày 20/9/2016 cán bộ tại ngân hàng đã nhiều lần vào nhà khách hàng, tuy nhiên khách hàng không còn ở tại nơi cư trú.

Vì vậy hiện nay ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/11/2019 là 271.981.703đ (Hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng), trong đó nợ gốc 189.800.000đ, nợ lãi là 82.181.702đ (Lãi trong hạn là 57.924.838đ, lãi quá hạn là 24.256.864đ), đồng thời phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/11/2019 cho đến khi anh Q, chị P trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm của anh Q chị P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2015/8004257/HĐBĐ ngày 26/10/2015 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P nhiều lần để làm việc và hòa giải nhưng anh Q và chị P đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh Q và chị P vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V với vợ chồng anh chị Nguyễn Cao Vũ Q - Phan Thị Thanh P đã xác lập giao dịch

vay tiền. Do ngân hàng cho rằng anh Q và chị P không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật giữa ngân hàng và vợ chồng anh Q là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên anh Q và chị P đều không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập đã có cơ sở xác định: Ngày 20/9/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K có cho anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay vốn số 01/2016/8004527/HĐTD ngày 20/9/2016.

+ Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay anh Q và chị P mới trả cho ngân hàng được 10.200.000đ tiền nợ gốc và 10.938.889đ tiền lãi.

Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng thì ngân hàng cho anh Q và chị P trong thời hạn 11 tháng. Tuy nhiên cho đến nay anh Q và chị P vẫn chưa trả xong nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn theo nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán số nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam, buộc anh Q và chị P phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền là 271.981.703đ, bao gồm: Nợ gốc là 189.800.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 28/11/2019) là 82.181.702đ (Lãi trong hạn là 57.924.838đ, lãi quá hạn là 24.256.864đ), đồng thời buộc anh Q và chị P phải chịu lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền anh Q và chị P đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 5150m², tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 4, giấy CNQSD đất số BN600915 do UBND huyện K cấp ngày 06/11/2014 mang tên anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P. Như vậy khoản vay của anh Q và chị P tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy nếu anh Q và chị P không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của anh Q và chị P để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Anh Q và chị P là người có lỗi trong hợp đồng vay tài sản và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, mức án phí phải chịu là: $271.981.703đ \times 5\% = 13.599.085đ$

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Buộc anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P phải liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V tổng số tiền 271.981.703đ (Hai trăm bảy mươi một triệu chín trăm tám mươi một ngàn bảy trăm lẻ ba đồng), bao gồm: Nợ gốc 189.800.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 28/11/2019) là 82.181.702đ.

Anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P tiếp tục phải chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số tiền nợ chưa thanh toán, kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Sau khi anh Q và chị P trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có nghĩa vụ trả lại cho anh Q và chị P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN600915 do UBND huyện K cấp ngày 06/11/2014 mang tên anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P.

Trường hợp anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 5150m², tại thửa đất số 263, tờ bản đồ số 4, giấy CNQSD đất số BN600915 do UBND huyện K cấp ngày 06/11/2014 mang tên anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Cao Vũ Q và chị Phan Thị Thanh P phải liên đới nộp 13.599.085đ án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V số tiền 6.341.000đ (Sáu triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2017/0014972 ngày 26/7/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN